

8. Tham dự các cuộc họp sơ kết, tổng kết việc thực hiện các đề án chính sách về tài chính, tiền tệ của các cơ quan chủ đề án.

9. Giúp việc Tổng Thư ký Hội đồng có một số chuyên viên kiêm nhiệm thuộc biên chế của Văn phòng Chính phủ, nhiệm vụ cụ thể của các chuyên viên kiêm nhiệm do Tổng Thư ký Hội đồng phân công sau khi trao đổi thống nhất với Vụ trưởng Vụ chức năng của Văn phòng Chính phủ.

Điều 8. Chế độ phối hợp và quan hệ công tác với các Bộ, ngành.

1. Hội đồng tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ Quốc gia phối hợp với các Bộ, ngành chuẩn bị các đề án về chính sách, cơ chế tài chính, tiền tệ để tổ chức, thảo luận và tư vấn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ, ngành có đề án có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến đề án cho các thành viên Hội đồng thông qua Tổng Thư ký và trực tiếp báo cáo giải trình đề án tại các cuộc họp của Hội đồng.

3. Hội đồng có trách nhiệm thông báo cho các Bộ, ngành có đề án ý kiến thảo luận của Hội đồng.

4. Quan hệ với Văn phòng Chính phủ:

- Các văn bản do Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng ký, sử dụng con dấu Chính phủ; các văn bản của Hội đồng do Tổng Thư ký Hội đồng ký, sử dụng con dấu Văn phòng Chính phủ.

- Hội đồng tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ Quốc gia được Văn phòng Chính phủ gửi các văn bản tài liệu thông tin, báo chí như các đơn vị khác trong Văn phòng Chính phủ.

- Các báo cáo tư vấn và báo cáo định kỳ của Hội đồng được gửi cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

- Văn phòng Chính phủ bảo đảm điều kiện

phương tiện làm việc và các điều kiện vật chất khác cho hoạt động của Hội đồng; đồng thời chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Hội đồng.

Điều 9. Các nội dung thảo luận của Hội đồng, ý kiến thảo luận của các thành viên, ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng và các tài liệu liên quan phải được bảo mật theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do tập thể Hội đồng thảo luận và báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định./

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 03/2000/QĐ-TTg ngày 04/1/2000
về cơ chế thưởng và cấp lại do
thực hiện vượt dự toán thu ngân
sách năm 2000 cho ngân sách địa
phương.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 24/1999/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 6 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Công văn số 10/TC-NSNN ngày 03 tháng 1 năm 2000,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thưởng và chế độ sử dụng tiền thưởng vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2000 cho ngân sách địa phương như sau:

1. Đối với các khoản được thưởng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước:

a) Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước (không kể phần ngân sách địa phương đã được hưởng 100% theo phân cấp): thưởng 100% số thu vượt dự toán do Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu xét thưởng theo nguyên tắc: số vượt thu dự toán Thủ tướng Chính phủ giao từ 20 tỷ đồng trở xuống thưởng 100%, số vượt thu từ trên 20 tỷ đồng thưởng thêm 50% số vượt thêm nhưng tổng số thưởng tối đa không vượt quá 50 tỷ đồng.

2. Đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương: cấp lại cho ngân sách địa phương 50% số thực nộp ngân sách trung ương cao hơn dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 2. Quy định về việc sử dụng tiền thưởng.

Các khoản thưởng vượt thu trên được sử dụng để tăng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện nhiệm vụ quan trọng, đột xuất phát sinh ở địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 04/2000/QĐ-TTg ngày 05/1/2000
về việc thành lập Trường Đại
học Dân lập Cửu Long.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 9149/TCCB ngày 28 tháng 9 năm 1999,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trường Đại học Dân lập Cửu Long.

Điều 2. Trường Đại học Dân lập Cửu Long là cơ sở đào tạo đại học chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Trụ sở của Trường đặt tại tỉnh Vĩnh Long.

Hệ thống văn bằng của Trường Đại học Dân lập Cửu Long thuộc hệ thống văn bằng quốc gia.

Điều 3. Trường Đại học Dân lập Cửu Long hoạt động theo pháp luật, theo Quy chế Đại học dân lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo Điều lệ của Trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.